

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2023.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH H

- THÀNH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Đoàn Thị Chuyên

- Thư ký phiên toà: ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quang Q**, sinh năm 1973.

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H.

Nơi ở: Xóm C, thôn P, xã G, huyện M, tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị **Trần Thị Minh A**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 210, tổ 30, Phương L, Đống Đa, Hà Nội.

(Anh Q, chị A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975.

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H.

Nơi ở: Xóm C, thôn P, xã G, huyện M, tỉnh H.

(Chị L có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh H ngày 24/8/2001. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống làm ăn ở miền Nam được khoảng gần 10 năm thì về quê ở cùng với bố mẹ anh ở thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H. Đến khoảng đầu năm 2009 thì vợ chồng mua đất xây nhà ra ở riêng. Từ khi kết hôn với nhau đến nay, vợ chồng không được vui vẻ hạnh phúc mà L tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L không tôn trọng chồng, cụ thể là lần nào anh mời bạn bè đến nhà chơi thì chị L không hài lòng, mắng chồng xa xả, thái độ

không tôn trọng chồng và bạn bè chồng, dẫn đến anh mất bạn bè và rất xấu hổ. Vì vậy mỗi lần anh muốn ngồi cùng bạn bè thì phải ra quán, không về nhà được. Tháng 11/2022 bố đẻ anh mất, khách đến viếng, chị L ra chỉ vào mặt những người đến viếng thể hiện thái độ ghen tuông, buông lời văng tục chửi bới khách. Đặc biệt, trước đây bố mẹ chị Thúy có nhận anh là con nuôi, nên thỉnh thoảng anh vào thăm hỏi sức khỏe ông bà. Nhưng chị L cho rằng anh có quan hệ tình cảm với chị Thúy nên chị L lu loa cả làng để sỉ nhục anh và chị Thúy, xúc phạm nhân phẩm gia đình chị Thúy. Mặt khác, chị Thúy đã lấy chồng và cả nhà cô ấy sinh sống làm ăn trong miền Nam, anh không gặp gỡ và cũng không có quan hệ tình cảm gì với chị Thúy. Chị L mặc dù đã làm dâu gia đình anh hơn 20 năm rồi nhưng chưa bao giờ chị L quan tâm đến bố mẹ anh, suốt ngày chỉ dựng chuyện để bố mẹ anh phải suy nghĩ buồn pH1, chưa bao giờ chị L biểu được bố mẹ anh đồng tiền tám bánh nào. Nói chung, trong cuộc sống giữa anh và chị L không có tình cảm, không có hạnh phúc. Trong thời gian vừa qua, chị L còn đe dọa tạt axít anh và chị Thúy, nên anh không thể tiếp tục chung sống với chị L được. Anh đã ly thân chị L được hơn 04 năm, không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Thị H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Quang THÀNH, sinh năm 2002. Hiện các con đều đã trưởng THÀNH, có công việc riêng tự nuôi sống bản thân, không yêu C giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu C Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như anh Q trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống làm ăn ở miền Nam được một thời gian thì về quê ở thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh H. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q phải lòng chị Nguyễn Thị Thúy, sinh ngày 23/5/1975, địa chỉ ở xã T, huyện M, tỉnh H. Chị nhiều lần nói chuyện khuyên bảo anh Q nhưng anh không nghe, anh cứ đi lo việc của gia đình chị Thúy, còn gia đình chị thì anh không quan tâm. Thậm chí, mẹ chị Thúy còn vun đắp mối quan hệ giữa anh Q và chị Thúy. Trong khi đó, chị Thúy còn xui anh Q đánh và bỏ vợ bỏ con để theo chị Thúy. Nhiều lần anh Q đánh vào mặt chị và lấy thanh sắt quật vào mặt, lấy búa ghè đầu chị chảy máu. Trong lúc vợ con không ở nhà, anh Q bỏ trốn vào ngày 26/12 âm lịch Tết năm vừa rồi, anh Q đem đi hết của cải tài sản (tiền, xe, sổ đỏ....), không để cho mẹ con một nghìn nào ăn Tết. Sau đó anh Q và chị không L lạc với nhau, anh Q chặn số điện thoại của chị.

Nay anh Q làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, bởi vì bao nhiêu lần chị tha thứ cho anh để con có bố. Chị cũng đã có cháu ngoại rồi nên chị không muốn mẹ con chị mang tiếng bị anh Q bỏ.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 04/10/2000 và Nguyễn Quang THÀNH, sinh ngày 23/11/2002. Hiện các con đều đã trưởng THÀNH, không yêu C Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu C Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Nếu anh Q quyết định ly hôn thì chị nhờ Tòa án xác nhận cho chị vào tờ quyết định ly hôn về tài sản mà chị đã ghi trong đơn nộp cho Tòa án vào chiều ngày 12/5/2023 để sau này không ai tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã được nghe Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về việc nếu chị L yêu C Tòa án giải quyết về tài sản chung thì chị phải làm thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật (*cụ thể: viết đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh yêu C của mình là có căn cứ và hợp pháp, nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, ...*). Tuy nhiên, chị L không làm các thủ tục khởi kiện về yêu C giải quyết tài sản chung theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; những người tham gia tố tụng nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Quang Q được ly hôn chị Nguyễn Thị L; Về con chung: không giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không giải quyết; Về án phí: anh Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Quang Q và người đại diện theo uỷ quyền của anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang Q và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh H ngày 24/8/2001, nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị L là hợp pháp. Căn cứ lời khai của anh Q, chị L và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn căng thẳng, cuộc sống không hạnh phúc. Anh Q, chị L đã sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Anh Q xin ly hôn, chị L không đồng ý. Lý do

chị L không đồng ý ly hôn là vì bao nhiêu lần chị tha thứ cho anh Q để con có bố. Chị cũng đã có cháu ngoại rồi nên chị không muốn mẹ con chị mang tiếng bị anh Q bỏ. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không tham gia phiên hoà giải do Toà án tiến hành, anh chị đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn để có thể tiếp tục chung sống xây dựng hôn nhân hạnh phúc. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh Q được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Q, chị L có hai con chung là Nguyễn Thị H1, sinh năm 2000 và Nguyễn Quang THÀNH, sinh năm 2002. Hiện các con của anh chị đã trưởng THÀNH, không xem xét giải quyết nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh Q không yêu C giải quyết.

Ngày 12/5/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn “*Kính gửi Toà án*” ghi ngày 12/5/2023 gửi Toà án với nội dung: “*đề nghị Toà án xác nhận tài sản vợ chồng tôi tự chia đánh vào quyết định ly hôn không sau này 2 bên tranh chấp tài sản. Tài sản anh Q đã lấy một mảnh đất 4,5m x 18 m ở làng La T M H và một xe ô tô Molinh trị giá 400 triệu và tiền mặt khoảng 200 triệu và vv. Anh chia cho mẹ con tôi một mảnh đất 8m x 12m đất chưa có sổ đỏ ở xóm C G M H. Nhưng tôpì làm nhà lên 4m rồi và một mảnh đất mua chung với chị L bên Thái Bình và vv... Tôi mong Toà xác nhận cho tôi sau này anh Nguyễn Quang Q không tranh chấp chị Nguyễn Thị L không tranh chấp. Vợ chồng tôi thoả thuận chia tài sản. Tôi mong Toà án xác nhận cho tôi*”. Toà án đã làm việc với anh Q và thông báo cho anh Q biết việc chị L có đơn gửi Toà án với nội dung trên. Anh Q vẫn giữ nguyên yêu C khởi kiện xin ly hôn chị L. Anh Q xác định không tranh chấp tài sản với chị L và không yêu C Toà án ghi nhận hoặc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức vợ chồng. Ngày 19/5/2023, Toà án đã ra Thông báo yêu C cung cấp tài liệu chứng cứ số 56/TB-TA gửi cho chị L, giải thích các quy định của pháp luật cho chị L biết: nếu chị yêu C Toà án giải quyết phân chia về tài sản chung (hoặc nợ chung, công sức) vợ chồng thì chị phải đến Toà án nhân dân huyện M để làm thủ tục khởi kiện (*cụ thể: viết đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh cho yêu C của mình là có căn cứ và hợp pháp, nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Toà án theo quy định của pháp luật*). Tuy nhiên, chị L không làm thủ tục khởi kiện chia tài sản chung (hoặc nợ chung, công sức) vợ chồng theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này chị L hoặc anh Q làm thủ tục khởi kiện chia tài sản chung (hoặc nợ chung, công sức) vợ chồng theo quy định pháp luật thì sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Quang Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Quang Q được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. *Về con chung*: Không giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Quang Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000982 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H. Anh Nguyễn Quang Q đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Quang Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhàn